TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21-9-2018.
V/v: Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Đẹp**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Danh On**;

2/ Bà **Nguyễn Thị Hiểu**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Đắc Mẫn** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Như** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân xét xử công khai vụ án thụ lý số: 150/2018/TLST-HN&GĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2018/QĐXXST-HN&GĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ông **Trương Quốc Q**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- ***Bị đơn***: Bà **Đặng Thị L**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông Q, bà L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2018, nguyên đơn ông Trương Quốc Q trình bày như sau:

Vào năm 1989, ông Trương Quốc Q và bà Đặng Thị L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính tình và ông Q đã sống ly thân với bà L khoảng 02 năm nay. Nay ông Q nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông yêu cầu được ly hôn với bà Đặng Thị L.

Về con chung: Ông Q trình bày trong quá trình chung sống giữa ông và bà Đặng Thị L có 02 người con chung là Trương Ngọc H, sinh năm 1990 và Trương Ngọc T, sinh năm 1996. Hiện tại các con đã lớn và đã trường thành nên ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2018, bị đơn bà Đặng Thị L trình bày như sau:

Vào năm 1989, bà L và ông Trương Quốc Q tự nguyện tiến tới hôn nhân, nhưng không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên bà L đã sống ly thân với ông Q khoảng 02 năm nay. Nay ông Q yêu cầu ly hôn bà L đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà L xác định giữa bà và ông Q có 02 người con chung là Trương Ngọc H, sinh năm 1990 và Trương Ngọc T, sinh năm 1996. Hiện tại các con đã lớn và đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. thì nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trương Quốc Q và bà Đặng Thị L là vợ chồng;

2. Về con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xet giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Trương Quốc Q khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Đặng Thị L. Xét thấy ông Q và bà L chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó căn cứ khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Đặng Thị L có nơi đăng ký thường trú và đang sinh sống tại ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, ông Trương Quốc Q và bà Đặng Thị L vắng mặt nhưng ông Q và bà L có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Q và bà L.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1989, giữa ông Trương Quốc Q và bà Đặng Thị L có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay không có tiến hành đăng ký kết hôn. Theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định việc kết hôn phải được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền. Ông Q và bà L đã sống chung với nhau từ năm 1989 nhưng đến nay vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống giữa ông Q và bà L phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên ông Q yêu cầu được ly hôn với bà L.

Do đó áp dụng Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận giữa ông Trương Quốc Q và bà Đặng Thị L là vợ chồng.

[5] Về con chung: Ông Trương Quốc Q và bà Đặng Thị L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Ông Trương Quốc Q và bà Đặng Thị L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Trương Quốc Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trương Quốc Q và bà Đặng Thị L là vợ chồng.

2/ Về con chung: Ông Trương Quốc Q và bà Đặng Thị L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Ông Trương Quốc Q và bà Đặng Thị L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Trương Quốc Q phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông Q đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0005839 ngày 26/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- UBND xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

LÊ VĂN ĐẸP